

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 28/8/2023.

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền;

Ông Trịnh Ngọc Hồng

*- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Bến Tre, tỉnh Bến Tre.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Âm – Kiểm sát viên.*

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số
316/2023/TLST-HNGĐ về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” ngày 07 tháng 7
năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn:

Ông Trương Văn P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Trương Văn P: Ông Võ Thanh D
– Luật sư – Công ty luật TNHH DC COUNSEL – Chi nhánh Bến Tre.*

Bị đơn:

Bà Đặng Thị Huỳnh M, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2023, bản tự khai, các biên bản hoà giải và tại
phiên tòa nguyên đơn ông Trương Văn P trình bày:*

Ông P và bà Đặng Thị Huỳnh M quen nhau, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, ông và bà Mai có 01 con chung là cháu Trương Ngọc Yến N, sinh ngày 27/7/2008. Thời gian sau do bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn. Tuy ông và bà M vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông P nhận thấy giữa ông và bà M không thể hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ, chồng. Nay ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị Huỳnh M cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Ông Trương Văn Pyêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị Huỳnh M.
2. Về con chung: Ông Trương Văn P đồng ý giao con chung là cháu Trương Ngọc Yến N, sinh ngày 27/7/2008 cho bà M nuôi dưỡng. Trước đây, ông Trương Văn P có yêu cầu tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000đồng/tháng nhưng sau khi xem xét lại tình hình kinh tế bản thân thì ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.
3. Tài sản chung, nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ, chồng tự thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Theo bản khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa bà Đặng Thị Huỳnh M trình bày:

Năm 2006, do tìm hiểu nên bà và ông Trương Văn P kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian chung sống giữa bà M và ông P có 01 con chung là cháu Trương Ngọc Yến N sinh ngày 27/7/2008. Hiện cháu N đang chung sống cùng với bà và ông P.

Sau khi kết hôn, bà và ông P chung sống hạnh phúc. Vợ chồng vẫn có mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng không đến mức trầm trọng. Tuy nhiên, từ khoản tháng 4/2023, thì bà phát hiện ông P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà nhiều lần bắt gặp ông P nhắn tin với người phụ nữ khác. Kể từ thời điểm này, tình cảm của ông P dành cho bà không còn như trước.

Nay ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà thì bà không đồng ý. Bà vẫn còn thương ông P và để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Như thì bà yêu cầu được hàn gắn tình cảm vợ, chồng với ông Phúc.

Về con chung: Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P thì bà đồng ý nuôi dưỡng cháu Trương Ngọc Yến N, sinh ngày 27/7/2008. Bà chỉ đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 5.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi như khởi kiện ban đầu của ông Phúc. Bà không đồng ý mức cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi như ông P trình bày tại phiên tòa.

Về tài sản chung, nợ chung: Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ, chồng tự thỏa

thuận. Trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trương Văn P tại phiên tòa trình bày:

Căn cứ theo đơn khởi kiện và diễn biến tại phiên tòa thì có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông P. Cuộc sống vợ, chồng phải dựa trên sự tin tưởng, thương yêu, đồng thuận. Nếu một bên muốn chấm dứt quan hệ hôn nhân, một bên muốn duy trì quan hệ hôn nhân thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, ông P vẫn thể hiện quan điểm cương quyết ly hôn. Về con chung, ông P tự nguyện giao con chung cho bà M nuôi dưỡng. Trường hợp bà M không đồng ý nuôi dưỡng con chung thì ông P vẫn đồng ý nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, việc ông P thay đổi mức cấp dưỡng từ 5.000.000đồng/tháng xuống còn 3.000.000đồng/tháng là dựa vào điều kiện kinh tế của ông P và ông P chỉ yêu cầu ghi nhận con số cụ thể vào Bản án, Quyết định của Tòa án. Trường hợp ông P thu nhập tốt hơn thì ông Phúc sẽ cấp dưỡng nuôi con nhiều hơn. Về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử tôn trọng quyền tự quyết của các đương sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của ông Trương Văn P đối với bà Đặng Thị Huỳnh M.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung, do mâu thuẫn vợ chồng giữa ông P và bà M chưa đến mức trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của ông Trương Văn P đối với bà Đặng Thị Huỳnh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và kết quả nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Trương Văn P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đặng Thị Huỳnh M. Quan hệ tranh chấp được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào quá trình tổng đạt các văn bản tố tụng và lời khai của bà Đặng Thị Huỳnh M tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Đặng Thị Huỳnh M có nơi cư trú tại Số A, ấp B, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre căn cứ vào các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân: Ông P cho rằng giữa ông và bà M thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ, chồng không cùng quan điểm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mục đích hôn nhân giữa ông và bà M không đạt được. Hiện tại tuy ông, bà chưa ly thân nhưng không còn tình cảm vợ, chồng.

Tại bản tự khai, các biên bản hoà giải và tại phiên toà hôm nay, bà Mai không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương ông P và không muốn ảnh hưởng đến tinh thần của con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà Mai trình bày ông P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Kể từ khi phát sinh mâu thuẫn vợ, chồng ông P không còn quan tâm, chăm sóc cho bà như trước khi phát sinh mâu thuẫn. Đời sống vợ, chồng không còn. Ông P có hành vi đánh bà đến mức hàng xóm xung quanh nơi bà và ông P đều biết việc này.

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên họp đã tiến hành hoà giải đoàn tụ cho ông P, bà M nhưng không thành. Đồng thời, tại phiên toà, ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cương quyết ly hôn với bà Đặng Thị Huỳnh M vì lý do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Bà M cũng thừa nhận giữa bà và ông P có mâu thuẫn vợ chồng kéo dài. Tuy vợ, chồng vẫn chung sống nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy bà M có yêu cầu hàn gắn tình cảm nhưng không đưa ra được phương thức, cách thức để hàn gắn tình cảm vợ chồng và yêu cầu này cũng không được ông Trương Văn P chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa ông P, bà M đã mâu thuẫn trầm trọng nên không thể đoàn tụ.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, đồng thuận, thương yêu, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng ông P, bà M không còn đảm bảo được các nguyên tắc này nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của ông Trương Văn P đối với bà Đặng Thị Huỳnh M.

[2.2]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, ông, bà M thống nhất giữa ông, bà có một con chung là cháu cháu Trương Ngọc Yến Nsinh ngày 27/7/2008. Hiện cháu N đang cùng sinh sống với ông P, bà M tại địa chỉ số A, ấp B, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông P đồng ý giao con chung cho bà M nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cứ ngày 09/8/2023, Thẩm phán chủ tọa phiên họp đã tiến hành lấy ý kiến của cháu N. Cháu N có yêu cầu được sinh sống cùng với bà M nếu Toà án cho ông P, bà M ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu N về mặt sức khoẻ, tinh thần và tôn trọng ý kiến của cháu Như nên cần giao cháu N cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con. Tại phiên tòa hôm nay, ông P thay đổi ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Bà Đặng Thị Huỳnh M không đồng ý với mức cấp dưỡng này mà chỉ đồng ý với mức cấp dưỡng 5.000.000đồng theo như đơn khởi kiện ban đầu của ông P. Hội đồng xét xử xét thấy, nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung là của cả cha và mẹ không phải của riêng người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa, bà M cho rằng thu nhập của ông Phúc là 1.000.000đồng/ngày và sinh hoạt phí của cháu N là khoảng 5.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên, bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và lời trình bày của bà M cũng không được ông P thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng với mức 5.000.000đồng/tháng của bà M. Trường hợp bà M thu thập đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho mức cấp dưỡng mà mình yêu cầu là có căn cứ thì có quyền khởi kiện tranh chấp về mức cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và buộc ông P phải thực hiện nghĩa vụ này là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung phải thu, nợ chung phải trả: Do ông P, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên ông P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 300.000đồng và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng được thu theo biên lai số 0007147 ngày 07/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông Trương Văn P có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền án phí là 300.000đồng.

[4]. Luận điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông P phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 35, 39, 91, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của ông Trương Văn P đối với bà Đặng Thị Huỳnh M.

Ông Trương Văn P được ly hôn với bà Đặng Thị Huỳnh M.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Đặng Thị Huỳnh M được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Ngọc Yến N sinh ngày 27/7/2008.

Buộc ông Trương Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000(Ba triệu)đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung: Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre không xem xét về phần tài sản chung, nợ chung của ông P, bà M. Ông P, bà M có quyền khởi kiện tranh chấp về tài sản chung, nợ chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân bằng một vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, ông Trương Văn P phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 300.000đồng và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng được thu theo biên lai số 0007147 ngày 07/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông Trương Văn P có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn)đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Bản án được tổng đạt theo đúng quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (Báo cáo);
- CC THADS tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thành Ngọc

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hiền

Trịnh Ngọc Hồng

Trần Thành Ngọc